

Số: 50/2020/QĐST-DS

Ba Tri, ngày 26 tháng 8 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020.

### **XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1959

Địa chỉ: số 08B, khu phố 2, thị trấn A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn C, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) dưới hình thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) vào ngày 15 của tháng, thời gian trả tiền lần đầu tiên vào ngày 15/9/2020. Như vậy, thời gian và số tiền cụ thể bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T được xác định cụ thể như sau: Từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/12/2021 trả

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)/tháng; ngày 15/01/2022 trả 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T1 không trả tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì bà Phạm Thị Kim T được quyền yêu cầu Thi hành án toàn bộ số tiền ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả, kể cả các khoản tiền chưa tới hạn trả theo thỏa thuận.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng): nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T nộp  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí; Bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 nộp  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí.

Do nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T, bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 đều là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi Cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Rên**

